

Số: **04 1503** /XMHM-TCKT

Hoàng Mai, ngày **15** tháng **4** năm 2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai
- Mã chứng khoán: HOM
- Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, P. Quỳnh Thiện, TX Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 0383 866 170 - Fax: 0383 866 648
- Người thực hiện CBTT: Bà Đậu Thị Nga – Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty.

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai xin công bố thông tin với nội dung sau:

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ.ĐHĐCĐ ngày 15/04/2016 của Công ty cổ phần xi măng vicem Hoàng Mai, thông qua một số nội dung sau:

+ Thống nhất không chia cổ tức năm 2015;
+ Mức trả cổ tức năm 2016 dự kiến là 5%;
+ Thông qua lựa chọn một trong hai đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam và Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty;

+ Chuẩn thuận ông Trần Trung Tại thôi nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty theo nguyện vọng cá nhân và bầu bổ sung ông Phạm Đức Trung làm thành viên Ban kiểm soát Công ty;

+ Một số nội dung khác (theo Nghị quyết số 01/2016/NQ.ĐHĐCĐ đính kèm).

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15/04/2016 tại đường dẫn <http://www.ximanghoangmai.vn>

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

(*) Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số 01/2016/NQ.ĐHĐCĐ
- Biên bản họp ĐHCĐ;
- Nội dung ĐHCĐ.

Đại diện tổ chức
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
TP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Đậu Thị Nga

Số: 01 /2016/NQ-ĐHĐCĐ

Hoàng Mai, ngày 15 tháng 4 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội thường niên, ngày 23/4/2014;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ngày 15/4/2016;

Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được tiến hành từ 08 giờ 45 phút đến 11 giờ 25 phút ngày 15 tháng 4 năm 2016, tại Trụ sở Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai – Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Đại hội có tổng số 51.790.735 cổ phần tham dự, tương ứng 74,81 % số cổ phần có quyền biểu quyết và đủ điều kiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật.

Trong đó:

+ Tổng số cổ phần tham dự trực tiếp là 51.611.535 cổ phần, tương ứng 74,55 % cổ phần có quyền biểu quyết;

+ Tổng số cổ phần tham dự thông qua ủy quyền là 179.200 cổ phần, tương ứng 0,26 % cổ phần có quyền biểu quyết.

Sau gần 3 giờ làm việc khẩn trương, liên tục, Đại hội đã tập trung nghe và thảo luận các nội dung trong các văn kiện chủ yếu của Đại hội và thống nhất:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua các nội dung gồm:

1.1. Thống nhất với các nội dung Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về công tác quản trị và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 với các chỉ tiêu chính đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH Năm 2015
1	Sản lượng sản xuất		
	- Clinker sản xuất	Tấn	1.329.047
	- Xi măng sản xuất (tại nhà máy)	Tấn	1.663.436
2	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	1.736.962
	- Clinker tiêu thụ	Tấn	20.899
	- Xi măng tiêu thụ	Tấn	1.716.063
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.770,25
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	73,25

Số phiếu biểu quyết tán thành là 51.790.735 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

1.2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán và công bố thông tin theo quy định, với số phiếu tán thành là 51.790.735 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

1.3. Thống nhất phương án phân phối các quỹ, mức cổ tức năm 2015 với số phiếu tán thành là 51.790.735 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội, cụ thể:

- Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động SXKD năm 2015: 62.723.742.550 đồng;
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 47.985.242.550 đồng;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tương ứng 1,5 tháng lương thực nhận năm 2015 là: 14.338.500.000 đồng;
- Trích thưởng Ban điều hành: 400.000.000 đồng;
- Năm 2015, Đại hội thống nhất không chia cổ tức.

1.4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2015 với số phiếu tán thành là 51.790.735 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

1.5. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét lựa chọn một trong hai đơn vị kiểm toán sau đây thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty, với số phiếu tán thành là 51.790.735 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội, gồm:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

1.6. Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty theo tài liệu trình của Hội đồng quản trị, với các các chỉ tiêu chính như sau:

- Sản lượng clinker sản xuất : 1.310.000 tấn;
- Sản lượng xi măng bột sản xuất : 1.720.000 tấn;
- Tổng sản lượng tiêu thụ : 1.780.000 tấn;
- Trong đó, + Xi măng là : 1.720.000 tấn;
- + Clinker là : 60.000 tấn;
- Doanh thu thuần : 1.740,760 tỷ đồng;
- Ngân sách đầu tư xây dựng : 79,407 tỷ đồng;
- Tổng lợi nhuận trước thuế : 74,587 tỷ đồng;
- Mức cổ tức dự kiến : 5,0 %/ năm.

Với số phiếu tán thành là 51.790.735 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

1.7. Chuẩn thuận ông Trần Trung Tại thôi nhiệm vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty theo nguyện vọng cá nhân và chuẩn thuận kết quả bầu bổ sung ông Phạm Đức Trung làm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ II, năm 2013 - 2018 với số phiếu bầu là 51.790.735 phiếu, chiếm tỷ lệ 100 % số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 2. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua tại Nghị quyết này theo đúng pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai./.

Nguyễn Văn...

T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trần Thị Minh Anh
TRẦN THỊ MINH ANH





BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
Đại hội lần thứ 9, ngày 15/4/2016

-----o0o-----

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội thường niên, ngày 23/4/2014;

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 45 phút, ngày 15 tháng 4 năm 2016, tại Hội trường Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai - Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Tiến trình và nội dung Đại hội diễn ra như sau:

A. THỦ TỤC VÀ NGHI LỄ KHAI MẠC:

- Ông **Nguyễn Xuân Thung**, đại diện Ban Tổ chức Đại hội báo cáo kết quả đăng ký đại biểu là cổ đông tham dự Đại hội, kết quả như sau:

Đại hội có tổng số 51.790.735 cổ phần tham dự, tương ứng 74,81 % cổ phần có quyền biểu quyết, trong đó:

+ Tổng số cổ phần tham dự trực tiếp là 51.611.535 cổ phần, tương ứng 74,55 % cổ phần có quyền biểu quyết;

+ Tổng số cổ phần tham dự thông qua ủy quyền là 179.200 cổ phần, tương ứng 0,26 % cổ phần có quyền biểu quyết.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội thường niên, ngày 23/4/2014, Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai với tỷ lệ tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

- Đại hội tiến hành làm lễ chào cờ;

- Ông Nguyễn Xuân Thung, thay mặt Ban Tổ chức;

+ Tuyên bố lý do khai mạc Đại hội,

+ Giới thiệu Đại biểu và thành phần tham dự Đại hội;



+ Giới thiệu các thành viên tham gia Đoàn chủ tịch điều hành Đại hội, gồm:

- 1) Bà Trần Thị Minh Anh – Chủ tịch HĐQT Công ty;
- 2) Ông Dương Đình Hội – Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty;
- 3) Ông Nguyễn Công Hòa – Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- 4) Ông Nguyễn Quốc Việt – Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- 5) Ông Đậu Phi Tuấn – Ủy viên HĐQT, TP. Kế hoạch - Chiến lược;

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua danh sách Đoàn chủ tịch.

- Tiếp theo, ông Nguyễn Xuân Thung mời Đoàn chủ tịch lên điều hành Đại Hội.

- Ông Dương Đình Hội thay mặt Đoàn chủ tịch giới thiệu Tổ thư ký, gồm:

- 1) Ông Mai Văn Dũng – Trưởng phòng Tổ chức & Nguồn nhân lực;
- 2) Bà Đậu Thị Nga – Trưởng phòng Tài chính Kế toán.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua danh sách Tổ thư ký.

- Đoàn chủ tịch mời Tổ thư ký lên làm việc.

- Ông Dương Đình Hội thay mặt Đoàn chủ tịch thông qua chương trình nghị sự Đại hội và Đại hội đã biểu quyết 100% nhất trí thông qua chương trình nghị sự trên.

- Ông Nguyễn Công Hòa thay mặt đoàn chủ tịch.

+ Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội;

+ Báo cáo Đại hội về việc bầu bổ sung Bà Trần Thị Minh Anh, người đại diện quản lý phần vốn của VICEM tại Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai với 168.918.000.000 đồng (chiếm 23,46% vốn điều lệ Công ty) vào HĐQT và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT thay cho Ông Tạ Quang Bửu xin thôi tham gia HĐQT để nghỉ hưu; Bầu bổ sung Ông Đỗ Tiến Trình, người đại diện quản lý phần vốn của VICEM tại Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai với 39.600.000.000 đồng (chiếm 5,5% vốn điều lệ Công ty) làm Ủy viên HĐQT thay cho Ông Vũ Thế Hà có đơn xin thôi tham gia HĐQT vì lý do cá nhân.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua các nội dung trên.

- Tiếp theo bà **Trần Thị Minh Anh** thay mặt Đoàn chủ tịch thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội; thông qua danh sách Ban bầu cử và kiểm phiếu, gồm:

- 1) Ông Lê Quý Thạch, Trưởng phòng Hành chính quản trị - Trưởng ban;
- 2) Ông Nguyễn Xuân Úy, Nhân viên phòng Tổ chức & NNL - Thành viên;
- 3) Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao, Nhân viên phòng TCKT - Thành viên.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua các nội dung trên.

B. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

I. PHẦN BÁO CÁO

Đoàn Chủ tịch đã điều hành Đại hội, báo cáo trước Đại hội trình tự các nội dung báo cáo, cụ thể như sau:

1. Ông Dương Đình Hội – UV. HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trình bày **Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị Công ty, kết**

quả hoạt động SXKD năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016 (Báo cáo chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

- Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính trong năm 2015 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Ghi chú
1	Sản lượng sản xuất			
	- Clinker sản xuất	Tấn	1.329.047	
	- Xi măng sản xuất (tại nhà máy)	Tấn	1.663.436	
2	Sản lượng tiêu thụ			
	- Clinker tiêu thụ	Tấn	20.899	
	- Xi măng tiêu thụ	Tấn	1.716.063	
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.770,25	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	73,25	

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016, Công ty phân đầu hoàn thành một số chỉ tiêu chính như sau:

- + Sản lượng clinker sản xuất : 1.310.000 tấn;
- + Sản lượng xi măng bột sản xuất : 1.720.000 tấn;
- + Tổng sản lượng tiêu thụ : 1.780.000 tấn;
- Trong đó: Xi măng : 1.720.000 tấn;
- Clinker : 60.000 tấn;
- + Doanh thu thuần : 1.740,760 tỷ đồng;
- + Lợi nhuận trước thuế : 74,587 tỷ đồng;
- + Dự kiến mức chia cổ tức : 5,0 %/ năm.

2. Bà Đậu Thị Nga – Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, được sự ủy quyền của Đoàn chủ tịch trình bày **Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán và phương án phân chia các quỹ, mức trả cổ tức năm 2015** (Báo cáo chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

3. Ông Trần Trung Tại – Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trình bày **Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015** (Chi tiết Báo cáo đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

4. Tiếp theo Đại hội đã nghe Ông Trần Trung Tại – Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai đọc **Tờ trình về việc lựa chọn một trong hai đơn vị kiểm toán dưới đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai** (Tờ trình được kèm theo tài liệu họp của Đại hội), gồm:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.



II. PHẦN THẢO LUẬN VÀ PHÁT BIỂU Ý KIẾN:

Phần thảo luận của các cổ đông được thực hiện tiếp theo ngay sau khi Đoàn chủ tịch và các đại diện được giới thiệu trình bày xong nội dung của các Báo cáo trước Đại hội.

Thảo luận và ý kiến phát biểu có các nội dung như sau:

- Cổ đông ghi nhận, đánh giá cao vai trò của Hội đồng quản trị, những người đại diện ủy quyền quản lý phần vốn của VICEM và Ban Tổng Giám đốc luôn đoàn kết, điều hành hoạt động SXKD của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai đạt hiệu quả cao;

- Đề nghị Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất để xứng tầm với Xi măng Hoàng Mai trong việc phát triển thị trường xi măng tại miền Trung;

- Cổ đông đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục giảm tiêu hao than, tiêu hao điện các công đoạn sản xuất, có giải pháp để tiếp tục nâng cao mức nền clinker, tăng tỷ lệ pha phụ gia góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bà Trần Thị Minh Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty và ông Dương Đình Hội - UV HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty đã thay mặt Đoàn chủ tịch lần lượt trả lời đầy đủ các ý kiến cổ đông nêu ra tại Đại hội cho đến khi các cổ đông không có ý kiến gì thêm.

III. BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI:

Ngay sau phần thảo luận, Đại hội đã tiến hành biểu quyết. Tất cả các vấn đề biểu quyết đều được lấy ý kiến công khai bằng thẻ biểu quyết (thẻ biểu quyết được phát cho cổ đông ngay khi cổ đông đến đăng ký, làm thủ tục tham dự Đại hội).

1. Biểu quyết thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty.

Số phiếu biểu quyết tán thành là 51.790.735 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

2. Biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

Số phiếu biểu quyết tán thành là 51.790.735 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

3. Biểu quyết thông qua phương án phân phối các quỹ, mức trả cổ tức năm 2015.

Số phiếu biểu quyết tán thành là 51.790.735 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

4. Biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2015

Số phiếu biểu quyết tán thành là 51.790.735 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

5. Biểu quyết thông qua Tờ trình đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016, ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét lựa chọn một trong hai đơn vị kiểm toán sau đây thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty với số phiếu tán thành là 51.790.735 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội, gồm:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

6. Biểu quyết thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty theo tài liệu trình của Hội đồng quản trị với các chỉ tiêu chính như sau:

- Sản lượng clinker sản xuất : 1.310.000 tấn;
- Sản lượng xi măng bột sản xuất : 1.720.000 tấn;
- Tổng sản lượng tiêu thụ : 1.780.000 tấn;
 - Trong đó + Xi măng : 1.720.000 tấn;
 - + Clinker : 60.000 tấn;
- Doanh thu thuần : 1.740,760 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 74,587 tỷ đồng;
- Mức cổ tức dự kiến : 5,0%/ năm.

Giao cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành nghiên cứu, căn cứ vào tình hình thực tế tăng giá nguyên vật liệu đầu vào để thực hiện tăng/giảm giá bán phù hợp đảm bảo kế hoạch lợi nhuận đã đề ra với tổng số phiếu biểu quyết tán thành là 51.790.735 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

IV. BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Đậu Phi Tuấn – UV. HĐQT thay mặt Đoàn chủ tịch nêu lý do bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát (Ông Trần Trung Tại có đơn xin thôi nhiệm vụ thành viên BKS theo nguyện vọng cá nhân); thông qua Quy chế và hướng dẫn sử dụng phiếu bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát; mời Ban bầu cử và kiểm phiếu lên làm việc.

Ông Lê Quý Thạch - Trưởng ban Bầu cử và kiểm phiếu Báo cáo tổng hợp danh sách đề cử, ứng cử. Tính đến 17h00 ngày 14/4/2016 thời gian cuối cùng theo quy định để nhận hồ ứng cử và đề cử, Ban tổ chức nhận được 01 đơn đề cử của ông Đậu Phi Tuấn có 3.960.000 cổ phần, chiếm 5,5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử 01 ứng cử viên để bầu bổ sung vào Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ II (năm 2013 – 2018).

Đại hội tiến hành bầu cử bằng hình thức biểu quyết.

KẾT QUẢ BẦU CỬ:

Đại hội đã bầu bổ sung Ông Phạm Đức Trung làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II, năm 2013-2018, với số phiếu bầu là 51.790.735 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

(Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu bầu bổ sung BKS kèm theo)

- Tiếp theo, Đại hội đã nghe ông Mai Văn Dũng thay mặt Tổ Thư ký thông qua Dự thảo Nghị quyết của Đại hội.

- Bà Trần Thị Minh Anh, thay mặt Đoàn chủ tịch xin ý kiến biểu quyết của Đại hội về nội dung Nghị quyết. Đại hội thống nhất cao với tỷ lệ 100% về nội dung của bản Nghị quyết đại hội vừa được Tổ thư ký trình bày.

- Vào hồi 11 giờ 25 phút cùng ngày, Bà Trần Thị Minh Anh thay mặt Đoàn chủ tịch phát biểu bế mạc Đại hội.

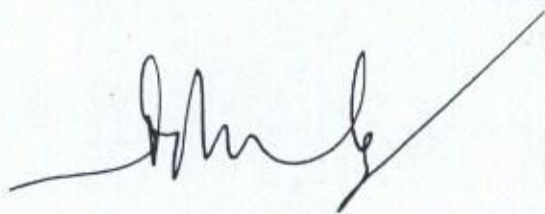


Biên bản Đại hội gồm 06 trang, đã được công khai cho toàn thể cổ đông dự họp và thống nhất ủy quyền lại cho Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký đại hội cùng ký tên.

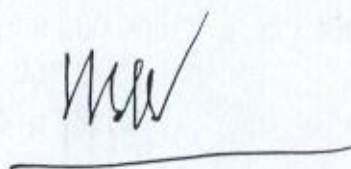
Biên bản được lập và thông qua vào hồi 11 giờ 25 phút cùng ngày/.

Hoàng Mai, ngày 15 tháng 4 năm 2016

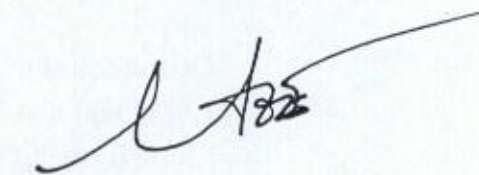
ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI



Trần Thị Minh Anh



Dương Đình Hội



Nguyễn Công Hòa



Nguyễn Quốc Việt

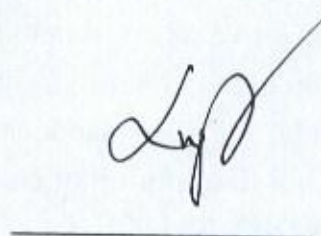


Đậu Phi Tuấn

TỔ THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Mai Văn Dũng



Đậu Thị Nga

Hoàng Mai, ngày 15 tháng 4 năm 2016



BIÊN BẢN HỌP BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
Kỳ họp thứ 1 năm 2016

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội thường niên năm 2015, ngày 16 tháng 4 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai số.01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-XMHM ngày 26/12/2008 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai;

Hôm nay, vào hồi 12 giờ ngày 15 tháng 4 năm 2016 tại Văn phòng Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai - Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An. Ban kiểm soát Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai họp bầu Trưởng ban kiểm soát như sau:

I. Thành phần tham dự cuộc họp gồm có:

1. Ông Phạm Đức Trung - Thành viên Ban kiểm soát
2. Ông Lê Văn Chiên - Thành viên Ban kiểm soát;
3. Ông Nguyễn Hữu Thất - Thành viên Ban kiểm soát,
4. Ông Nguyễn Xuân Sơn - Thành viên Ban kiểm soát,
5. Bà Thái Thị Thu Hương - Thành viên Ban kiểm soát

II. Nội dung cuộc họp: Bầu Trưởng ban kiểm soát theo phương thức biểu quyết.

- Ban kiểm soát Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai thống nhất bầu ông Phạm Đức Trung - Thành viên ban kiểm soát làm Trưởng ban kiểm soát

- Thư ký đọc kết quả bầu Trưởng ban kiểm soát như sau:

TT	Họ và tên	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ đạt %
1	Phạm Đức Trung	5/5	100%

III. Kết luận:

Căn cứ vào kết quả biểu quyết, Ông Phạm Đức Trung được bầu làm Trưởng ban kiểm soát Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

Biên bản này được lập thành 2 bản, được lập xong vào hồi 13 giờ cùng ngày và được công khai trước Ban kiểm soát./.

CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Phạm Đức Trung..... 
2. Ông Lê Văn Chiên..... 
3. Ông Nguyễn Hữu Thất..... 
4. Ông Nguyễn Xuân Sơn..... 
5. Bà Thái Thị Thu Hương..... 

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hoàng Mai, ngày 14 tháng 3 năm 2016



CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ

Đại hội cổ đông thường niên năm 2016

Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai

-----000-----

Thời gian	Nội dung
7h30 - 8h45	- Đón tiếp đại biểu, cổ đông; văn nghệ chào mừng. - Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông có mặt.
8h45 - 9h00	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.
	- Chào cờ, khai mạc Đại hội và giới thiệu đại biểu.
9h00 - 9h20	- Giới thiệu thành viên tham gia Đoàn chủ tịch, Tổ thư ký. - Thông qua chương trình làm việc và Quy chế làm việc của Đại hội; - Báo cáo Đại hội về việc bổ nhiệm ủy viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT; - Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu. - Thông qua các nội dung biểu quyết tại đại hội.
9h20 - 10h30	1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015, Kết quả SXKD năm 2015. 2. Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty. 3. Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức năm 2015; 4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát 2015 và Tờ trình đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016;
10h30 - 11h30	Thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các nội dung đã báo cáo.
11h30-12h00	Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.
12h00 - 12h10	Thông báo kết quả biểu quyết các vấn đề đã lấy ý kiến và Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.
12h10 - 12h30	- Thông qua Dự thảo Nghị quyết đại hội. - Bế mạc Đại hội.

Hoàng Mai, ngày 16 tháng 3 năm 2016

**CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TẠI ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2014.

Đoàn chủ tịch xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sẽ biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 15/4/2016 cụ thể như sau.

Nội dung 1	Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2015 và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty. .
Nội dung 2	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.
Nội dung 3	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức năm 2015
Nội dung 4	Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát.
Nội dung 5	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016
Nội dung 6	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty

Kính trình Đại hội thông qua.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN THỊ MINH ANH

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
SXKD NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2016**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai báo cáo kết quả thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, về quản trị và hoạt động SXKD của Công ty năm 2015, kế hoạch SXKD năm 2016 với những nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM 2015.

1. Thuận lợi:

- GDP tăng 6,68%; riêng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,64%; Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng 12% so với năm 2014; CPI bình quân tăng 0,63% là mức thấp nhất trong 14 năm trở lại đây.
- Giai đoạn đầu năm 2015, thời tiết diễn biến thuận lợi cùng với sự ấm dần của thị trường bất động sản tại các thị trường chính của Vicem Hoàng Mai khiến nhu cầu về xi măng tăng lên.
- Năm 2015, lãi suất cho vay của ngân hàng ổn định, Công ty đã tranh thủ được những nguồn vay ưu đãi.

2. Khó khăn:

- Thị trường xi măng Việt Nam cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn. Các thuận lợi kép trong năm 2014 như hoạt động kiểm soát tải trọng xe ô tô, dự án mở rộng quốc lộ 1A... không còn.
- Năm 2015, áp lực cạnh tranh ngày càng lớn với 16 thương hiệu tham gia trên thị trường chính là Nghệ An, Hà Tĩnh gây thêm nhiều khó khăn trong cạnh tranh tại các địa bàn chính của Công ty.
- Mỏ đá vôi Hoàng Mai B có diện khai thác hẹp và trữ lượng còn lại cho giai đoạn 1 là giai đoạn được phép khai thác không còn nhiều gây ảnh hưởng cho việc phối trộn sơ bộ ngay tại mỏ.
- Giá nguyên nhiên liệu đầu vào tăng; giá điện tăng 7,5%, giá than trong nước tăng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2015.

1. Việc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền:

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, năm 2015, Hội đồng quản trị tổ chức 07 cuộc họp trực tiếp (các ngày 15/01, 12/03, 02/04, 01/07, 25/9, 19/10 và ngày 26/12) để đánh giá kiểm điểm việc thực hiện các nội dung công việc đã quyết nghị, đề ra mục tiêu SXKD của các quý trong năm và

quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tổ chức 05 cuộc họp không trực tiếp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định. Căn cứ theo các nội dung cuộc họp, Hội đồng quản trị đã ban hành 12 Nghị quyết trong năm 2015.

Việc tổ chức các cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị từ thông báo mời họp, chương trình nghị sự, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ quyết định tại cuộc họp cũng như các cuộc họp không trực tiếp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định từ thể thức, nội dung và tài liệu liên quan đều được Hội đồng quản trị thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Những vấn đề Hội đồng quản trị bàn thảo, quyết định tại cuộc họp đều được ghi lại bằng biên bản; các quyết định Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được ban hành bằng Nghị quyết để cơ quan điều hành thực hiện và được lưu giữ đầy đủ, đúng quy định.

Trên cơ sở các tài liệu được chuẩn bị chi tiết, chu đáo của cơ quan điều hành và được gửi trước, với tinh thần trách nhiệm cao của mỗi thành viên nên các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua sát với yêu cầu thực tiễn sản xuất kinh doanh của Công ty đặt ra; tất cả các quyết định được thông qua với tỷ lệ 100% thành viên tham gia dự họp tán thành.

2. Việc chuẩn bị và tổ chức để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ngày 16 tháng 4 năm 2015, Hội đồng quản trị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, từ khâu chuẩn bị các điều kiện đại hội, triệu tập đại hội đến việc thực hiện chương trình đề ra cho đại hội. Hội đồng quản trị đã điều hành Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 hoàn thành tốt chương trình nghị sự - thông qua toàn bộ chương trình gồm có 7 nội dung mà Hội đồng quản trị đã thông báo đến các cổ đông, trong đó các nội dung được thông qua với tỷ lệ tán thành rất cao. Đại hội cũng đã tiến hành bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát với tỷ lệ phiếu bầu đạt 100% số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội. Sự thành công của Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 đánh giá sự chuẩn bị tốt của Hội đồng quản trị cho các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý.

Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, các đồng chí trong Ban Tổng Giám đốc phải trình bày báo cáo và kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết liên quan đến nhiệm vụ mình phụ trách. Năm 2015, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất

kinh doanh của Công ty để điều hành. Cơ quan điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ và thực hành tiết kiệm nên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

4. Thù lao của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết của Đại hội cổ đông tại Đại hội ngày 31/3/2008 đã quyết định thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị với mức:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị mức: 6.000.000 đồng/tháng;
- Các thành viên Hội đồng quản trị với mức: 5.000.0000 đồng/người/tháng.

5. Kết quả SXKD năm 2015 của Công ty

Để thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, cơ quan điều hành đã đề ra các giải pháp theo yêu cầu thực tế của sản xuất, tiêu thụ tại từng thời điểm, từng khu vực khác nhau. Kết quả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2015 Công ty đạt được như sau:

5.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết ĐHCĐ 2015	Thực hiện 2015	Thực hiện 2014	So TH 2015/ NQ	So 2015/ 2014
I	SẢN XUẤT						
1	Clinker	tấn	1.305.000	1.329.047	1.301.533	101,84%	102,15%
2	Xi măng SX tại nhà máy	tấn	1.675.000	1.663.436	1.595.020	99,31%	104%
II	TIÊU THỤ SP		1.760.000	1.736.962	1.753.751	98,69%	99%
1	Xi măng	tấn	1.675.000	1.716.063	1.672.564	102,45%	102,60%
2	Clinker	tấn	85.000	20.899	81.187	24,59%	25,74%
III	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH						
1	Doanh thu thuần	tỷ đồng	1.760,2	1.770,25	1.745,7	100,57%	101,41%
2	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	65,4	73,25	45,6	112,01%	161,60%

5.2. Đánh giá chung các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.2.1. Công tác tiêu thụ sản phẩm:

Tổng sản lượng tiêu thụ năm 2015 đạt bằng 99% sản lượng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao, tuy nhiên riêng sản lượng xi măng tiêu thụ năm 2015 tăng 2% so với Nghị quyết của Đại hội cổ đông và tăng 3% so với năm 2014. Sau đây là một số yếu tố làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ của Công ty trong năm 2015:

- Tăng trưởng về tiêu thụ xi măng tại Miền Trung chỉ đạt 4%, thấp hơn nhiều so với dự báo là 11% , trong khi đó tăng trưởng của năm 2014 là tăng 11,6% so với 2013.
- Các thuận lợi kép trong năm 2014 như hoạt động kiểm soát tải trọng xe ô tô, dự án mở rộng quốc lộ 1A... không còn; nhu cầu xi măng rời giảm do các dự án lớn sử dụng xi măng Vicem Hoàng Mai năm 2014 đã hoàn thành hoặc đi vào giai đoạn lắp đặt (các công trình thuộc tổ hợp gang thép Formosa,...); xi măng rời khó tiếp cận các trạm trộn trong khu kinh tế Nghi Sơn do chính sách ưu tiên sử dụng xi măng Nghi Sơn của các chủ đầu tư Nhật Bản.
- Từ đầu năm 2015, thị trường xi măng miền Trung cạnh tranh khốc liệt, các thương hiệu mạnh như xi măng Nghi Sơn thực hiện chính sách chuyển dịch cơ cấu thị trường, tập trung nguồn lực đẩy mạnh tiêu thụ tại các địa bàn gần nhà máy (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh).
- Nhiều thương hiệu xi măng giá thấp như xi măng Lộc Sơn, Vissai, Thành Thắng, Hoàng Long, Duyên Hà, Pomihóa, Sông Gianh tăng cường mở rộng thị trường tại Nghệ An, Hà Tĩnh; Xi măng Sông Lam, Công Thanh ra mắt vào quý IV/2015 gây thêm nhiều khó khăn trong cạnh tranh tại các địa bàn chính của Công ty

5.2.2. Công tác sản xuất và thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật.

Trong năm 2015, chất lượng clinker được nâng lên rõ rệt với mức trung bình đạt 52 N/mm² (tăng 0,6 N/mm² so với năm 2014). Các tháng cuối năm 2016, chất lượng clinker được nâng cao cụ thể: tháng 10 đạt 51,51 N/mm²; tháng 11 đạt 53,73 N/mm²; tháng 12 đạt 54,18 N/mm². Chất lượng xi măng luôn được đảm bảo và duy trì ổn định với màu sắc hợp thị hiếu người tiêu dùng.

Cũng trong năm 2015, năng suất hoạt động của các thiết bị chính nhìn chung đều vượt năng suất thiết kế: Lò nung hoạt động với năng suất 167,59/167 (tấn/giờ) đạt 100,35%; Nghiền xi măng đạt 103,35% năng suất thiết kế; Nghiền liệu đạt 102,59%. Riêng máy nghiền than trong năm hoạt động thấp hơn năng suất thiết kế 2,15%.

TT	Thiết bị	Năng suất (t/h)		% năng suất thực hiện/ thiết kế
		Thiết kế	Thực hiện bình quân năm 2015	
1.	Máy nghiền liệu	320	328,29	102,59 %
2.	Lò nung	167	167,59	100,35 %
3.	Máy nghiền than	30	29,35	97,85 %
4.	Máy nghiền xi măng	240	247,90	103,29 %

Các tiêu hao định mức kinh tế kỹ thuật như tiêu hao than, tiêu hao dầu, tiêu hao điện đều đạt kết quả tốt, thấp hơn định mức đề ra; tiêu hao than thực hiện 869/870 (kcal/kg CLK), đạt 99,9% so với định mức; tiêu hao dầu thực hiện trong năm là 6,39/15 (Kcal/kg CLK), đạt 43% so với định mức; tiêu hao điện cho sản xuất clinker là 62,44/63 (Kwh/Tấn CLK), đạt 99% so với định mức; tiêu hao vật liệu sản xuất clinker thực hiện năm 2015 là 1,568/1,6 (Tấn/Tấn CLK) tương đương 98% so với định mức.

5.2.3. Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.

Trong năm 2015, Công ty đã phối hợp với Công ty Cổ phần tư vấn quản lý OCD xây dựng lại cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty theo chuỗi giá trị 5 công đoạn và 7 phân đoạn sản xuất nhằm xác định chi phí cho từng phân đoạn sản xuất với mục tiêu quản trị, tối ưu hoá các nguồn lực, giảm giá thành sản phẩm.

Từ ngày 01/11/2015, Công ty đã thực hiện xong việc tái cấu trúc lại cơ cấu tổ chức bộ máy; cụ thể giảm từ 22 đơn vị trực thuộc xuống còn 19 đầu mối, điều này đã làm giảm đầu mối trung gian, giảm chi phí, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.2.4. Công tác đầu tư xây dựng

Trong năm 2015, Công ty tập trung đầu tư xây dựng và sửa chữa cải tạo các hạng mục công trình phục vụ sản xuất kinh doanh. Đối với Dự án Xi măng Hoàng Mai 2, Công ty đang phải làm việc thoả thuận với Tỉnh Nghệ An về địa điểm đặt nhà máy nên tiến độ đang chậm. Hiện nay Công ty đang tiến hành lập Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án và tiếp tục triển khai các công việc tư vấn chuẩn bị đầu tư, vì vậy tổng giá trị đầu tư trong năm đạt 13,024 tỷ đồng/70,400 tỷ đồng; tương đương đạt 18,5% kế hoạch năm.

Đối với công tác sửa chữa tài sản, công trình kiến trúc, năm 2015 Công ty thực hiện được 23,20% kế hoạch ngân sách với các phần việc chủ yếu tập trung hoàn thiện các hạng mục công trình để phục vụ sản xuất, cải thiện điều kiện ăn ở làm việc cho người lao động có giá trị thấp. Ngoài ra, một số hạng mục công trình Công ty tự làm nên đã tiết kiệm được chi phí sửa chữa so với ngân sách ban đầu.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Căn cứ trên dự báo cung cầu xi măng, khả năng huy động thiết bị và các nguồn lực của Công ty, Hội đồng quản trị đã thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch SXKD năm 2016, cụ thể như sau:

6.1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2016.

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu
I	SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT		
1	Clinker	tấn	1.310.000
2	Xi măng SX tại nhà máy	tấn	1.720.000

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu
II	SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ		1.780.000
1	Xi măng	tấn	1.720.000
2	Clinker	tấn	60.000
III.	CHI PHÍ		
	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.666.173
	Trong đó:		
	- Tổng quỹ lương	Triệu đồng	114.708
	- Tổng chi phí bán hàng	Triệu đồng	79.022
	- Tổng chi phí quản lý DN	Triệu đồng	95.013
	- Chi phí tài chính	Triệu đồng	34.190
IV.	TRẢ NỢ VAY ĐẦU TƯ		
	Tổng trả nợ các khoản vay dài hạn năm 2016	Triệu đồng	57.765
	Trong đó:		
	- Trả nợ gốc	Triệu đồng	54.331
	- Trả lãi	Triệu đồng	3.434
III	KẾT QUẢ SXKD		
1	Doanh thu thuần	tỷ đồng	1.740,760
2	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	74,587
3	EBITDA	tỷ đồng	234,005
4	Nộp ngân sách	tỷ đồng	79,686

Năm 2016, Công ty dự kiến mức chia cổ tức là 5%. Việc chi trả cổ tức sẽ được thực hiện theo hình thức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu tùy thuộc tình hình thực tế của Công ty.

6.2. Về công tác Đầu tư Xây dựng.

Ngân sách đầu tư xây dựng năm 2016 là 79,407 tỷ đồng cụ thể như sau:

- Đầu tư vào dự án dây chuyền nhà máy xi măng Hoàng Mai 2 với các nội dung chi phí khảo sát địa hình, khu vực nhà máy, các trạm nghiền và tuyến băng tải; chi phí khảo sát thăm dò Mỏ đá vôi Bắc Thăng và Mỏ đá sét Đá Bạc ; san nền, tường rào, mương thoát nước khu vực trạm nghiền xi măng; chi phí lập dự án đầu tư là 37,616 tỷ đồng.
- Dự án Mỏ đá vôi Hoàng Mai B là 28,791 tỷ đồng, trong đó: Thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng, xin cấp lại giấy phép khai thác mỏ là 1,791 tỷ đồng, đền bù, giải phóng mặt bằng mỏ giai đoạn 3 là 16 tỷ đồng, xây dựng cơ bản bổ sung Mỏ Hoàng Mai B giai đoạn 3 là 11 tỷ đồng .
- Dự án đường ống cấp nước từ giếng khoan về nhà máy, khu mỏ, khu văn phòng 12 tỷ đồng;
- Dự án thăm dò, bổ sung nâng cấp trữ lượng, xin cấp lại Giấy phép khai thác mỏ sét Quỳnh Vinh với giá trị là 500 triệu đồng;

- Chi phí chuẩn bị đầu tư hạng mục công trình sử dụng nhiệt khí thải để phát điện là 500 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về hoạt động quản trị doanh nghiệp, kết quả SXKD năm 2015 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Hội đồng quản trị Công ty xin chân thành cảm ơn các Quý vị cổ đông./.

Hoàng Mai, ngày 01 tháng 4 năm 2016

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thị Minh Anh

Hoàng Mai, ngày 14 tháng 3 năm 2016

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2014.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán cụ thể như sau:

Nội dung báo cáo gồm 2 phần:

- Phần I: Báo cáo của kiểm toán độc lập.
- Phần II: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gồm:
 - Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2015;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015;
 - Thuyết minh Báo cáo tài chính vào ngày 31/12/2015 cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thị Minh Anh



EY

Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

CHI NHÁNH
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ERNST & YOUNG
VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2015

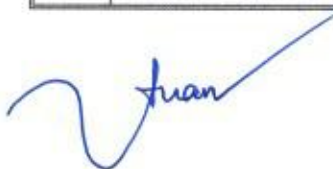
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		613.582.846.267	612.545.474.642
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	202.911.783.237	117.862.497.940
111	1. Tiền		93.411.783.237	117.862.497.940
112	2. Các khoản tương đương tiền		109.500.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		174.337.962.325	144.639.662.024
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	165.512.650.985	58.613.601.727
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	6.815.168.843	60.943.725.436
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	24.893.200.937
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	6.466.524.057	3.249.808.956
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 5.2.6	(4.456.381.560)	(3.060.675.032)
140	III. Hàng tồn kho	7	234.714.112.656	342.931.851.412
141	1. Hàng tồn kho		245.330.880.883	345.606.563.591
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.616.768.227)	(2.674.712.179)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.618.988.049	7.111.463.266
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.262.297.403	1.545.383.973
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		334.983.744	673.796.924
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		21.706.902	4.892.282.369
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.249.153.910.452	1.243.215.123.490
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		889.981.134	851.490.209
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	889.981.134	851.490.209
220	II. Tài sản cố định		1.083.886.896.970	1.168.727.946.125
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.083.278.076.937	1.167.948.603.532
222	Nguyên giá		2.822.071.588.710	2.798.890.648.510
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.738.793.511.773)	(1.630.942.044.978)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	608.820.033	779.342.593
228	Nguyên giá		1.619.153.370	1.511.153.370
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.010.333.337)	(731.810.777)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		22.223.904.138	23.827.643.209
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	22.223.904.138	23.827.643.209
260	IV. Tài sản dài hạn khác		142.153.128.210	49.808.043.947
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	41.585.608.418	49.808.043.947
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	7	100.567.519.792	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.862.736.756.719	1.855.760.598.132

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		940.236.737.427	967.304.542.876
310	I. Nợ ngắn hạn		906.464.299.094	831.831.976.813
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	196.664.093.546	127.675.974.745
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	23.627.285.989	21.756.308.887
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	9.561.955.197	3.514.728.457
314	4. Phải trả người lao động		36.679.741.738	19.647.282.589
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	20.000.973.956	25.720.023.095
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	8.983.559.700	8.776.887.635
320	7. Vay ngắn hạn	17	604.904.262.726	622.881.412.177
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	18	6.042.426.242	1.859.359.228
330	II. Nợ dài hạn		33.772.438.333	135.472.566.063
338	1. Vay dài hạn	17	8.526.760.538	114.239.930.632
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.3	24.661.268.495	20.673.635.231
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		584.409.300	559.000.200
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		922.500.019.292	888.456.055.256
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	922.500.019.292	888.456.055.256
411	1. Vốn cổ phần		720.000.000.000	720.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		720.000.000.000	720.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		19.138.086.811	19.138.086.811
415	3. Cổ phiếu quỹ		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		148.837.652.393	135.837.652.393
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		62.723.742.550	41.679.778.514
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	(1.453.757.319)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		62.723.742.550	43.133.535.833
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.862.736.756.719	1.855.760.598.132



Nguyễn Văn Tuấn
Người lập

Nghệ An, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Đặng Thị Nga
Trưởng phòng Tài chính-Kế toán



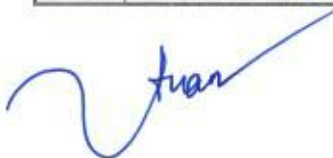


Dương Đình Hội
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	1.770.252.585.877	1.745.708.192.357
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	1.770.252.585.877	1.745.708.192.357
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(1.465.947.276.959)	(1.461.140.357.771)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		304.305.308.918	284.567.834.586
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	3.962.114.990	2.205.815.452
22	7. Chi phí tài chính	22	(37.482.510.407)	(53.144.438.845)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(35.482.015.237)	(48.504.482.384)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(91.012.675.184)	(97.818.068.639)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(103.566.131.695)	(92.766.719.034)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		76.206.106.622	43.044.423.520
31	11. Thu nhập khác	24	2.023.500.853	4.080.913.555
32	12. Chi phí khác	24	(4.976.536.870)	(1.512.596.544)
40	13. Lợi nhuận khác	24	(2.953.036.017)	2.568.317.011
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		73.253.070.605	45.612.740.531
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(6.541.694.791)	(2.472.016.419)
51	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	(3.987.633.264)	(7.188.279)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		62.723.742.550	43.133.535.833
70	18. Lãi trên cổ phiếu	28		
	- Lãi cơ bản		906	509
	- Lãi suy giảm		906	509



Nguyễn Văn Tuấn
Người lập

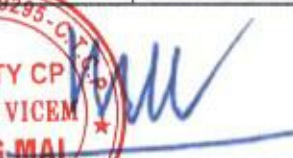
Nghệ An, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Đậu Thị Nga
Trưởng phòng Tài chính-Kế toán





Dương Đình Hội
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		73.253.070.605	45.612.740.531
01	Tổng lợi nhuận trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ")		123.070.875.624	121.788.664.155
03	Các khoản dự phòng		9.337.762.576	522.364.574
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		754.373.315	177.345.709
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		437.353.732	(2.203.864.028)
06	Chi phí lãi vay		35.482.015.237	48.504.482.384
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		242.335.451.089	214.401.733.325
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(50.716.131.188)	7.316.367.547
10	Giảm hàng tồn kho		(291.837.084)	(16.385.268.243)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		74.522.859.557	(46.575.325.700)
12	Giảm chi phí trả trước		8.505.522.099	6.486.711.697
14	Tiền lãi vay đã trả		(45.954.247.465)	(52.638.625.859)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.2	(4.950.190.165)	(1.517.949.069)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1.505.304.551
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.766.622.425)	(5.448.482.955)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		219.684.804.418	107.144.465.294
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(18.598.530.184)	(33.687.188.032)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		230.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, ủy thác đầu tư		(33.200.000.000)	(39.695.955.237)
24	Tiền thu hồi cho vay		58.093.200.937	19.667.928.950
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay		3.894.304.702	2.230.646.848
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng) vào hoạt động đầu tư		10.418.975.455	(51.484.567.471)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.514.259.170.473	1.634.770.653.599
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.638.729.154.841)	(1.771.827.816.338)
36	Cổ tức đã trả		(20.590.632.565)	(10.166.830.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(145.060.616.933)	(147.223.992.739)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		85.043.162.940	(91.564.094.916)
60	Tiền đầu kỳ		117.862.497.940	209.424.641.432
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.122.357	1.951.424
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	202.911.783.237	117.862.497.940



Nguyễn Văn Tuấn
Người lập

Nghệ An, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Đậu Thị Nga
Trưởng phòng Tài chính-Kế toán



Dương Đình Hội
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty"), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 1 tháng 4 năm 2008 và theo các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 11 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất, kinh doanh xi măng, clinker;
- ▶ Mua bán xi măng, clinker, thiết bị phụ tùng, vật tư công nghiệp;
- ▶ Khai thác, chế biến khoáng sản;
- ▶ Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 980 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 995 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng tại Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp như được trình bày dưới đây.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính này như đã trình bày tại Thuyết minh số 29.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng kê khai thường xuyên để hạch toán cho công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và vật tư thu hồi và phương pháp kê khai định kỳ để hạch toán cho nguyên vật liệu, sản phẩm sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên các tiêu chí phù hợp theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	498.679.877	583.927.934
Tiền gửi ngân hàng	92.913.103.360	117.278.570.006
Các khoản tương đương tiền (*)	109.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	202.911.783.237	117.862.497.940

(*) Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại ngân hàng thương mại và được hưởng lãi suất là từ 4,8% đến 5,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	165.512.650.985	57.956.440.877
- Công ty TNHH Thành Luân	150.726.300.174	46.402.649.093
- Phải thu các khách hàng khác	14.786.350.811	11.553.791.784
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	657.160.850
TỔNG CỘNG	165.512.650.985	58.613.601.727
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.705.675.032)	(2.705.675.032)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.801.888.843	56.651.861.636
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Khoáng sản Thiên Sơn	-	2.550.285.818
- Công ty TNHH Thăng Long Vina	-	13.926.803.020
- Công ty TNHH SIAM VINA	-	8.390.929.655
- Công ty TNHH Hệ thống Điện Công nghiệp	-	11.253.907.016
- Trả trước cho người bán khác	6.801.888.843	20.529.936.127
Trả trước cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 27)	13.280.000	4.291.863.800
TỔNG CỘNG	6.815.168.843	60.943.725.436
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.395.706.528)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Phân loại lại)</i>
Ngắn hạn		
Tạm ứng	2.809.614.193	1.473.416.520
Cho vay (*)	355.000.000	355.000.000
Phải thu tiền đầu	159.597.457	299.094.057
Tiền lãi phải thu	135.192.611	73.504.680
Các khoản phải thu khác	3.007.119.796	1.048.793.699
	6.466.524.057	3.249.808.956
Dài hạn		
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	889.981.134	851.490.209
	889.981.134	851.490.209
TỔNG CỘNG	7.356.505.191	4.101.299.165
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	7.308.098.510	4.018.890.992
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	48.406.681	82.408.173
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(355.000.000)	(355.000.000)

(*) Đây là khoản cho Công ty TNHH Phú Cường Nha Trang vay từ cuối năm 2011 và đến hạn thanh toán lãi và gốc vào cuối năm 2012. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Nguyên liệu, nhiên liệu	38.975.866.220	(1.908.198.727)	46.194.717.112	(1.032.552.443)
Vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ	112.662.502.688	(8.708.569.500)	240.243.276.231	(1.642.159.736)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	71.311.551.695	-	37.772.732.262	-
Thành phẩm	22.380.960.280	-	21.395.837.986	-
	245.330.880.883	(10.616.768.227)	345.606.563.591	(2.674.712.179)
Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	100.567.519.792	-	-	-
	100.567.519.792	-	-	-
TỔNG CỘNG	345.898.400.675	(10.616.768.227)	345.606.563.591	(2.674.712.179)

Một phần hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn như được trình bày trong Thuyết minh số 17.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	2.674.712.179	2.674.712.179
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	8.357.666.754	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	415.610.706	-
Số cuối năm	10.616.768.227	2.674.712.179

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí bảo hiểm	1.262.297.403	1.478.955.563
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	66.428.410
TỔNG CỘNG	1.262.297.403	1.545.383.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	724.572.703.524	2.026.002.680.832	40.715.481.810	7.599.782.344	2.798.890.648.510
- Mua trong năm	-	28.682.413.605	2.630.700.000	2.465.849.546	33.778.963.151
- Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	8.966.209.683	-	-	-	8.966.209.683
- Thanh lý	(68.112.169)	(1.009.593.726)	(5.146.416.207)	(355.205.187)	(6.579.327.289)
- Giảm khác (*)	-	(12.984.905.345)	-	-	(12.984.905.345)
Số dư cuối năm	<u>733.470.801.038</u>	<u>2.040.690.595.366</u>	<u>38.199.765.603</u>	<u>9.710.426.703</u>	<u>2.822.071.588.710</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	360.867.730	76.473.333.370	16.146.416.207	923.049.157	93.903.666.464
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm	238.589.668.447	1.361.304.985.758	29.283.477.725	1.763.913.048	1.630.942.044.978
- Khấu hao trong năm	27.756.503.953	91.191.420.722	2.561.129.748	1.283.298.641	122.792.353.064
- Thanh lý	(52.249.491)	(713.746.855)	(5.146.416.207)	(355.205.187)	(6.267.617.740)
- Giảm khác (*)	-	(8.673.268.529)	-	-	(8.673.268.529)
Số dư cuối năm	<u>266.293.922.909</u>	<u>1.443.109.391.096</u>	<u>26.698.191.266</u>	<u>2.692.006.502</u>	<u>1.738.793.511.773</u>
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	<u>485.983.035.077</u>	<u>664.697.695.074</u>	<u>11.432.004.085</u>	<u>5.835.869.296</u>	<u>1.167.948.603.532</u>
Số dư cuối năm	<u>467.176.878.129</u>	<u>597.581.204.270</u>	<u>11.501.574.337</u>	<u>7.018.420.201</u>	<u>1.083.278.076.937</u>

(*) Khoản giảm khác trong năm là cân than cũ đã được tháo dỡ, nhập kho phụ tùng và được thay thế bởi cân than mới.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, một phần nhà cửa, vật kiến trúc và một số máy móc thiết bị đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (xem thêm tại Thuyết minh số 17).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Phần mềm máy tính</i>	
Nguyên giá:		
Số dư đầu năm		1.511.153.370
Tăng trong năm		<u>108.000.000</u>
Số dư cuối năm		<u>1.619.153.370</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã hao mòn hết</i>		276.929.770
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Số dư đầu năm		731.810.777
Hao mòn trong năm		<u>278.522.560</u>
Số dư cuối năm		<u>1.010.333.337</u>
Giá trị còn lại:		
Số dư đầu năm		<u>779.342.593</u>
Số dư cuối năm		<u>608.820.033</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị phần mềm máy tính đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (xem thêm tại Thuyết minh số 18).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Hoàng Mai II	14.172.667.931	10.998.163.385
Mỏ đá vôi Hoàng Mai B - giai đoạn III	2.922.732.367	3.378.402.367
Dây chuyền sản xuất tro bay	1.546.912.420	2.445.437.615
Dự án Khu đô thị Vicem Hoàng Mai	1.352.902.250	1.352.902.250
Tổ hợp nhà thương mại Vinh	707.528.924	707.528.924
Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Quỳnh Vinh	495.060.000	495.060.000
Dây chuyền sản xuất đá vật liệu xây dựng	-	3.583.864.663
Các công trình khác	<u>1.026.100.246</u>	<u>866.284.005</u>
TỔNG CỘNG	<u>22.223.904.138</u>	<u>23.827.643.209</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Giá trị thương hiệu góp vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (*)	15.004.131.976	25.214.052.287
Chi phí sửa chữa lớn tài sản chờ phân bổ	26.003.047.854	22.598.318.443
Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ	-	549.603.771
Chi phí trả trước dài hạn khác	578.428.588	1.446.069.446
TỔNG CỘNG	<u>41.585.608.418</u>	<u>49.808.043.947</u>

(*) Theo Quyết định số 1709/QĐ-XMVN do Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành ngày 12 tháng 10 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty Xi măng Hoàng Mai (tên trước đây của Công ty), giá trị thương hiệu đã được định giá với số tiền là 50.000.000.000 VND, và được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và vốn cổ phần đã góp của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Thuyết minh số 19.1).

Trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty phân bổ giá trị thương hiệu nói trên vào chi phí hàng năm trong thời gian là 20 năm. Trong năm 2011, Công ty đã ngừng phân bổ giá trị thương hiệu. Sau đó, Công ty tiếp tục phân bổ giá trị còn lại của giá trị thương hiệu này trong vòng 10 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012. Trong năm 2014, Công ty tiến hành phân bổ lại giá trị còn lại của giá trị thương hiệu trong vòng 10 năm kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2008 dựa trên hướng dẫn của Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012 về việc hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số dư</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Số dư</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	83.302.824.976	83.302.824.976	45.186.199.028	45.186.199.028
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	113.361.268.570	113.361.268.570	82.489.775.717	82.489.775.717
TỔNG CỘNG	<u>196.664.093.546</u>	<u>196.664.093.546</u>	<u>127.675.974.745</u>	<u>127.675.974.745</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	23.627.285.989	21.728.718.887
<i>Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Miền Trung</i>	3.722.884.283	5.191.573.949
<i>Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Việt Hải</i>	6.476.387.384	4.292.795.894
<i>Công ty TNHH Trường An</i>	6.877.143.254	4.630.933.604
<i>Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Bình</i>	2.711.641.253	2.849.944.156
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	3.839.229.815	4.763.471.284
Các bên liên quan trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 27)	-	27.590.000
TỔNG CỘNG	<u>23.627.285.989</u>	<u>21.756.308.887</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp/ bù trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	43.982.456.575	43.982.456.575	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.2)	527.933.268	6.541.694.791	4.950.190.165	2.119.437.894
Thuế thu nhập cá nhân	19.913.341	615.224.571	619.839.753	15.298.159
Thuế tài nguyên	680.318.611	13.457.999.804	9.136.231.800	5.002.086.615
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*)	2.209.912.000	2.210.712.000	2.681.334.000	1.739.290.000
Tiền thuê đất	-	4.384.174.271	4.368.279.196	15.895.075
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	76.651.237	9.936.231.406	9.342.935.189	669.947.454
TỔNG CỘNG	<u>3.514.728.457</u>	<u>81.128.493.418</u>	<u>75.081.266.678</u>	<u>9.561.955.197</u>

(*) Đây là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được Công ty trích trước theo Quyết định số 92/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 1 năm 2015 và Quyết định số 3022/QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi và mỏ sét đang được Công ty khai thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Phân loại lại)</i>
Chi phí lãi vay phải trả	467.797.179	10.940.029.407
Chi phí tiền điện	4.074.075.332	3.224.803.678
Chi phí nhân công sửa chữa lớn	2.033.026.400	-
Phí thăm dò nâng cấp tài nguyên mỏ đá vôi Hoàng Mai B	1.985.557.273	-
Chi phí hỗ trợ tiêu thụ	1.851.050.370	2.292.030.951
Phí lấp đặt cân than	1.390.542.500	-
Chi phí quảng cáo, hội nghị, giới thiệu sản phẩm	1.945.062.379	1.865.992.234
Phí bảo lãnh cho các khoản vay phải trả	420.856.062	1.393.132.942
Chi phí thưởng cho nhân viên	-	4.500.000.000
Chi phí phải trả khác	5.833.006.461	1.504.033.883
TỔNG CỘNG	<u>20.000.973.956</u>	<u>25.720.023.095</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.352.328.585	2.174.381.150
Phải trả các thành viên góp vốn vào Ban quản lý Dự án Khu Đô thị Vicem Hoàng Mai	2.572.139.200	2.572.139.200
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.381.836.003	129.471.252
Phải trả bảo hiểm xã hội thị xã Hoàng Mai	-	637.309.377
Thuế giá trị gia tăng phải nộp theo Biên bản thanh tra của Thanh tra Chính phủ	888.102.746	888.102.746
Tiền ủng hộ phải trả cho Ban vận động "Quý vì người nghèo"	768.356.453	1.049.819.453
Phụ cấp ăn ca, độc hại	519.165.000	561.725.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	501.631.713	763.939.457
TỔNG CỘNG	<u>8.983.559.700</u>	<u>8.776.887.635</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	465.611.812.226	465.611.812.226	1.414.259.170.473	1.329.243.593.862	550.627.388.837	550.627.388.837
Vay dài hạn đến hạn trả	157.269.599.951	157.269.599.951	155.415.206.718	258.407.932.780	54.276.873.889	54.276.873.889
	622.881.412.177	622.881.412.177	1.569.674.377.191	1.587.651.526.642	604.904.262.726	604.904.262.726
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	114.239.930.632	114.239.930.632	100.559.931.164	206.273.101.258	8.526.760.538	8.526.760.538
TỔNG CỘNG	737.121.342.809	737.121.342.809	1.670.234.308.355	1.793.924.627.900	613.431.023.264	613.431.023.264

17.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An	297.000.539.262	6 tháng, đáo hạn từ ngày 4 tháng 1 năm 2016 đến 24 tháng 6 năm 2016. Tiền lãi được trả hàng tháng.	5,3%	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 200 tỷ VND, các quyền thu hồi nợ bán hàng và các lợi ích liên quan đến số hàng tồn kho này. ▶ Máy móc, thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 392,2 tỷ VND, và phần mềm máy tính với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 503,8 triệu VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phủ Diễn	253.626.849.575	6 tháng, đáo hạn từ ngày 14 tháng 2 năm 2016 đến 30 tháng 6 năm 2016. Tiền lãi được trả hàng tháng.	4,2%	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Tài sản cố định hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 308,9 tỷ VND.
Tổng cộng	550.627.388.837			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Các khoản vay dài hạn

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác như sau:

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ (USD)			
Quỹ hỗ trợ Cô-ô-et Phát triển Kinh tế Á rập (theo Hợp đồng cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Công ty) <i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	12.803.634.427 4.276.873.889	568.798 189.999	168 tháng, đáo hạn ngày 10/9/2018. Tiền lãi được trả theo định kỳ 6 tháng.	4,2%	Tin chấp
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An	50.000.000.000	-	24 tháng, đáo hạn ngày 31/12/2016. Tiền lãi được trả hàng tháng.	6,3%	Chung tài sản thế chấp là các tài sản cố định cho khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng này như đã trình bày trong Thuyết minh số 17.1.
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	50.000.000.000				
TỔNG CỘNG	62.803.634.427				
<i>Trong đó:</i>					
- Vay dài hạn đến hạn trả	54.276.873.889				
- Vay dài hạn	8.526.760.538				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	1.859.359.228	5.317.715.928
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 19.1)	7.911.198.514	-
Sử dụng trong năm	<u>(3.728.131.500)</u>	<u>(3.458.356.700)</u>
Số dư cuối năm	<u>6.042.426.242</u>	<u>1.859.359.228</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Vốn cổ phần đã góp</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước						
Số dư đầu năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	134.335.012.575	48.882.499	845.322.519.423
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	43.133.535.833	43.133.535.833
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.502.639.818	(1.502.639.818)	-
Số dư cuối năm (Phân loại lại)	<u>720.000.000.000</u>	<u>19.138.086.811</u>	<u>(28.199.462.462)</u>	<u>135.837.652.393</u>	<u>41.679.778.514</u>	<u>888.456.055.256</u>
Năm nay						
Số dư đầu năm (Phân loại lại)	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	135.837.652.393	41.679.778.514	888.456.055.256
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	62.723.742.550	62.723.742.550
- Trả cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	-	(20.768.580.000)	(20.768.580.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(7.911.198.514)	(7.911.198.514)
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	13.000.000.000	(13.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	<u>720.000.000.000</u>	<u>19.138.086.811</u>	<u>(28.199.462.462)</u>	<u>148.837.652.393</u>	<u>62.723.742.550</u>	<u>922.500.019.292</u>

(*) Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Cổ phiếu phổ thông VND</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Cổ phiếu phổ thông VND</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
<i>Cổ đông</i>				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	510.918.000.000	70,96	510.918.000.000	70,96
Các cổ đông khác	209.082.000.000	29,04	209.082.000.000	29,04
TỔNG CỘNG	720.000.000.000	100,00	720.000.000.000	100,00

19.2 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	20.768.580.000	-
<i>Cổ tức cho năm 2014: 300 VND /cổ phiếu</i>	20.768.580.000	-
<i>Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

19.3 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	72.000.000	720.000.000.000	72.000.000	720.000.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	72.000.000	720.000.000.000	72.000.000	720.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	72.000.000	720.000.000.000	72.000.000	720.000.000.000
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.771.400)	(28.199.462.462)	(2.771.400)	(28.199.462.462)
Cổ phiếu đang lưu hành	69.228.600	691.800.537.538	69.228.600	691.800.537.538
Cổ phiếu phổ thông	69.228.600	691.800.537.538	69.228.600	691.800.537.538

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (2014: 10.000 đồng Việt Nam).

Các cổ phiếu này đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là HOM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Phân loại lại)</i>
Tổng doanh thu bán hàng		
Doanh thu bán xi măng và clinker	1.703.166.318.399	1.684.013.474.028
Doanh thu bán sản phẩm khác	67.086.267.478	61.694.718.329
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>1.770.252.585.877</u>	<u>1.745.708.192.357</u>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.919.411.133	2.203.864.028
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.122.357	1.951.424
Thu nhập tài chính khác	36.581.500	-
TỔNG CỘNG	<u>3.962.114.990</u>	<u>2.205.815.452</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn bán xi măng và clinker	1.414.929.176.948	1.407.308.696.404
Giá vốn bán sản phẩm khác	51.018.100.011	53.831.661.367
TỔNG CỘNG	<u>1.465.947.276.959</u>	<u>1.461.140.357.771</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	35.482.015.237	48.504.482.384
Chiết khấu thanh toán	1.173.210.900	1.845.069.115
Phí bảo lãnh thanh toán	-	1.643.313.333
Phí bảo lãnh	23.008.923	972.276.880
Lỗ chênh lệch tỷ giá	804.275.347	179.297.133
TỔNG CỘNG	<u>37.482.510.407</u>	<u>53.144.438.845</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ tiêu thụ	17.733.475.229	33.217.963.589
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	13.117.165.883	11.816.724.905
Chi phí lợi thế thương mại	10.209.920.315	7.758.169.935
Chi phí chuyển giao bí quyết bán hàng	11.759.400.012	11.621.137.349
Chi phí hội nghị, tiếp khách	10.159.055.122	8.993.835.431
Chi phí khác	28.033.658.623	24.410.237.430
	91.012.675.184	97.818.068.639
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	29.328.817.146	26.794.972.156
Chi phí hội nghị, tiếp khách	13.367.359.260	10.271.954.849
Chi phí chuyển giao bí quyết doanh nghiệp	10.086.434.824	9.996.636.119
Chi phí khấu hao	8.272.321.881	7.480.097.269
Chi phí khác	42.511.198.584	38.223.058.641
	103.566.131.695	92.766.719.034

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	2.023.500.853	4.080.913.555
Thu phạt hợp đồng	429.531.972	1.679.986.917
Thu từ thanh lý tài sản	230.000.000	-
Thu nhập khác	1.363.968.881	2.400.926.638
Chi phí khác	4.976.536.870	1.512.596.544
Giá trị còn lại của tài sản cố định giảm trong năm	4.623.346.365	-
Chi phí khác	353.190.505	1.512.596.544
GIÁ TRỊ THUẬN	(2.953.036.017)	2.568.317.011

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Phân loại lại)</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	793.676.697.962	771.840.612.657
Chi phí nhân công	133.737.027.891	120.476.421.123
Chi phí khấu hao và hao mòn	123.070.875.624	121.788.664.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	445.128.176.682	433.986.550.171
Chi phí khác	204.612.322.870	226.796.480.994
TỔNG CỘNG	1.700.225.101.029	1.674.888.729.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02-UB ngày 10 tháng 7 năm 1998 do UBND tỉnh Nghệ An cấp, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (là năm 2008) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong 7 năm tiếp theo. Theo đó, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2015 là 11% và hoạt động kinh doanh khác là thuế suất phổ thông (22% trong năm 2015).

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.502.415.739	2.472.016.419
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	39.279.052	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.987.633.264	7.188.279
TỔNG CỘNG	10.529.328.055	2.479.204.698

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	73.253.070.605	45.612.740.531
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Các chi phí không được trừ	2.286.663.326	4.685.194.752
Chi phí khấu hao dưới mức quy định về thuế TNDN	(19.938.166.318)	(20.702.475.113)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	55.601.567.613	29.595.460.170
Lỗi lũy kế mang sang	-	(7.122.583.631)
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm hiện hành	55.601.567.613	22.472.876.539
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	12.232.344.875	4.944.032.838
Giảm 50% thuế TNDN theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho hoạt động kinh doanh chính	(5.729.929.136)	(2.472.016.419)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính sau miễn giảm và điều chỉnh	6.502.415.739	2.472.016.419
Thuế TNDN phải trả/(trả trước) đầu năm	527.933.268	(426.134.082)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(4.950.190.165)	(1.517.949.069)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	39.279.052	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm (Thuyết minh số 14)	2.119.437.894	527.933.268

26.3 Thuế thu nhập hoãn lại

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí khấu hao tài sản cố định	24.661.268.495	20.673.635.231	(3.987.633.264)	(7.188.279)
	24.661.268.495	20.673.635.231		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh			(3.987.633.264)	(7.188.279)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Cùng Công ty mẹ	Thuê gia công xi măng	27.925.004.353	8.717.471.887
		Mua clinker	-	18.780.472.618
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Cùng Công ty mẹ	Doanh thu bán xi măng	861.909.090	-
		Mua vỏ bao xi măng	68.909.041.800	92.150.180.000
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Cùng Công ty mẹ	Thuê gia công xi măng	1.385.600.000	-
		Mua xi măng rời	21.082.173.455	15.274.866.325
XNSX Vỏ bao xi măng Đà Nẵng - CNCTCP Vicem VLXD Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ	Mua vỏ bao xi măng	35.138.444.036	35.546.595.000
		Doanh thu bán xi măng	-	5.205.731.822
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cùng Công ty mẹ	Mua clinker	-	1.273.674.769
		Phí gia công và vận chuyển	-	357.281.766
		Mua cát tiêu chuẩn	175.595.455	175.524.000
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Mua than cám	316.455.941.592	276.907.190.747
		Phạt vi phạm hợp đồng	156.826.784	-
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Ủy thác đầu tư	30.000.000.000	20.000.000.000
		Thu hồi ủy thác đầu tư	50.000.000.000	-
		Cho vay	-	19.695.955.237
		Thu hồi khoản cho vay	4.893.200.937	19.667.928.950
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	Cùng Công ty mẹ	Thu nhập lãi vay	501.805.588	2.086.420.012
		Mua xi măng	-	23.199.969.134
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Cùng Công ty mẹ	Thuê máy phá dỡ gạch lò	148.460.896	-
		Mua clinker	-	2.744.570.692
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Cùng Công ty mẹ	Phí gia công	-	1.231.883.201
		Mua vỏ bao xi măng	32.778.000.000	-
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Mua xi măng	25.764.000	605.766.909
		Phí thăm dò bổ sung mỏ sắt	3.174.504.546	-
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí lập hồ sơ dây chuyền 2	-	-
		Chi trả cổ tức	15.327.540.000	10.091.800.000
		Phí hệ thống làm kín lò nung bằng Graphit	-	13.644.807.507
		Mua thạch cao	37.407.988.892	43.284.383.445
		Phí tư vấn (*)	21.845.834.836	21.617.773.468
		Bán xi măng	127.654.547	449.827.272

(*) Theo Hợp đồng số 2118/VICEM-HĐKT ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Hợp đồng số 2120/VICEM-HĐKT ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty mẹ sẽ tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao cho Công ty các kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và kỹ năng quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh, và tính phí cho các dịch vụ này trên doanh thu thuần từ tiêu thụ xi măng và clinker cũng như doanh thu tiêu thụ xi măng gia công ngoài và sản phẩm khác, thu nhập khác phát sinh hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty cho vay các bên liên quan, bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2014: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ báo cáo thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Ngoài các khoản cho bên liên quan vay đã được trình bày trong Thuyết minh số 6 và khoản cổ tức phải trả Công ty mẹ đã được trình bày trong Thuyết minh số 16, vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty TNHH Một thành viên Vicem Hoàng Thạch	Cùng Công ty mẹ	Phải thu tiền bán clinker	-	19.550.850
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu tiền bán xi măng	-	637.610.000
			<u>-</u>	<u>657.160.850</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Cùng Công ty mẹ	Trả trước tiền mua xi măng	-	1.125.717.400
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ tư vấn thăm dò mỏ đá vôi	-	3.152.866.400
Công ty Cổ phần Bao bì Xi măng Tam Điệp	Cùng Công ty mẹ	Phạt vi phạm hợp đồng	13.280.000	13.280.000
			<u>13.280.000</u>	<u>4.291.863.800</u>
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khác	-	1.151.201
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khác	-	7.752.292
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khác	-	73.504.680
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem tam Điệp	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khác	30.025.195	-
Ban Quản lý Dự án Đông Hời	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khác	18.381.486	-
			<u>48.406.681</u>	<u>82.408.173</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)				
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Mua than cám	57.628.843.984	24.184.134.988
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua clinker và phí gia công xi măng	2.461.016.500	3.245.454.253
Công ty TNHH Một Thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ	Chi phí quảng cáo	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Cùng Công ty mẹ	Mua clinker và phí gia công xi măng	-	2.419.286.465
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua vỏ bao xi măng	13.695.600.000	13.412.320.000
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Tiền mua thạch cao và phí quản lý	18.721.379.106	14.101.364.709
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua xi măng rời	-	7.629.430.302
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ	Tiền mua vỏ bao	10.414.495.080	15.226.160.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Cùng Công ty mẹ	Tiền mua vỏ bao	8.512.020.000	-
Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Phí đào tạo	6.000.000	141.100.000
Công ty TNHH Một Thành viên xi măng Vicem tam Điệp	Cùng Công ty mẹ	Mua xi măng rời	1.434.448.800	-
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Phí tư vấn	224.687.600	-
Viện Công nghệ Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Phí khác	132.252.500	-
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ	Phí tư vấn khảo sát địa hình	130.525.000	130.525.000
			113.361.268.570	82.489.775.717

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	2.061.355.148	1.925.014.992
TỔNG CỘNG	2.061.355.148	1.925.014.992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	62.723.742.550	43.133.535.833
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(7.911.198.514)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>62.723.742.550</u>	<u>35.222.337.319</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>62.723.742.550</u>	<u>35.222.337.319</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	69.228.600	69.228.600
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>69.228.600</u>	<u>69.228.600</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	906	509

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm và cho đến đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính có thể có ảnh hưởng suy giảm lãi trên mỗi cổ phiếu.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2014 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2014 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính của năm nay. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
	Các khoản đầu tư ngắn hạn	24.893.200.937	(24.893.200.937)	-
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	24.893.200.937	24.893.200.937
136	Phải thu ngắn hạn khác	1.752.442.839	1.497.366.117	3.249.808.956
155	Tài sản ngắn hạn khác	1.497.366.117	(1.497.366.117)	-
216	Phải thu dài hạn khác	-	851.490.209	851.490.209
268	Tài sản dài hạn khác	851.490.209	(851.490.209)	-
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	26.279.023.295	(559.000.200)	25.720.023.095
342	Dự phòng phải trả dài hạn	-	559.000.200	559.000.200
	Quỹ dự phòng tài chính	27.750.379.292	(27.750.379.292)	-
418	Quỹ đầu tư phát triển	108.087.273.101	27.750.379.292	135.837.652.393
		Năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2014 (được trình bày lại)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01	Doanh thu bán hàng	1.804.524.339.995	(58.816.147.638)	1.745.708.192.357
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(58.816.147.638)	58.816.147.638	-

30. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết tiền thuê đất

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đến 1 năm	3.787.384.730	3.787.384.730
Từ 1 - 5 năm	15.149.538.919	15.149.538.919
Trên 5 năm	25.050.270.210	28.837.654.940
TỔNG CỘNG	43.987.193.859	47.774.578.589

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Cam kết và nợ tiềm tàng về phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty. Cam kết về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 44,7 tỷ đồng.

Theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và trong thời gian Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến, chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính này.

Ngoài ra, Công ty cũng đang trong quá trình đánh giá lại trữ lượng của mỏ đá vôi để tiến hành các thủ tục xin cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản này theo quy định của Luật Khoáng sản 2010, cũng như xin phê duyệt lại mức phí cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi.

Cam kết về phí cải tạo và phục hồi môi trường

Căn cứ theo công văn số 4456/CV-UB.ĐC ngày 13 tháng 09 năm 2004 của UBND Tỉnh Nghệ An về việc thực hiện ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, thông báo nộp tiền ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản số 04/TB-TNMT-MT ngày 28 tháng 1 năm 2008 về ký quỹ phục hồi môi trường mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 2 và thông báo nộp tiền ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản số 149/TB-TNMT-MT ngày 17 tháng 1 năm 2008 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Nghệ An về việc ký quỹ phục hồi môi trường mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 1 và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, Công ty có các cam kết liên quan tới việc ký quỹ cải tạo bảo vệ môi trường đối với việc khai thác và sử dụng của mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, tổng số tiền phải ký quỹ là 798.971.000 đồng, trong đó, từ năm 2009 tới năm 2025, mỗi năm ký quỹ 34.057.925 đồng.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 2, tổng số tiền ký quỹ là 151.239.000 đồng, trong đó, từ năm 2009 đến năm 2025, mỗi năm ký quỹ 4.433.000 đồng.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Nguyễn Văn Tuấn
Người lập

Đặng Thị Nga
Trưởng phòng Tài chính-Kế toán



Dương Đình Hội
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Hoàng Mai, ngày 01 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân chia các quỹ, mức trả cổ tức năm 2015

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ
đông thông qua tại Đại hội thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2014;
Căn cứ Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2015;
Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015;
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trình Đại hội
đồng cổ đông thông qua mức trả cổ tức và phân chia các quỹ cụ thể như sau:

1. Mức trả cổ tức:

Tại Đại hội cổ đông năm 2015, Đại hội đã thống nhất không chia cổ tức năm 2015, lợi nhuận sẽ được trích lập cho Quỹ đầu tư phát triển của Công ty, chuẩn bị cho việc đầu tư dây chuyền 2 Nhà máy Xi măng Hoàng Mai.

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thống nhất không chia cổ tức năm 2015 theo như Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đã thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2015.

2. Phương án phân chia các quỹ:

- Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty là: 62.723.742.550 đồng;

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội cổ đông thông qua phương án phân chia các quỹ như sau:



- Trích quỹ đầu tư phát triển: 47.985.242.550 đồng;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tương ứng với 1,5 tháng lương thực nhận năm 2015 là: 14.338.500.000 đồng.
- Trích thưởng Ban điều hành: 400.000.000 đồng;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung trên.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thị Minh Anh





BAN KIỂM SOÁT
Số 06/XMHHM-BKS

Hoàng Mai, ngày 24 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2015

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai;

Căn cứ báo cáo Tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2015, như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Năm 2015, Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt các cuộc họp theo định kỳ hoặc đột xuất và tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT Công ty triệu tập; đóng góp ý kiến trong phạm vi quyền hạn, chức năng, theo Điều lệ của Công ty quy định.

- Ban Kiểm soát thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động trong sản xuất kinh doanh của Công ty; giám sát việc thực hiện các qui định pháp luật, thực hiện các quy chế, quy định mà Công ty đã ban hành.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban điều hành công ty cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ/ Đơn vị trực thuộc, tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Tuy nhiên, do các thành viên Ban Kiểm soát đều kiêm nhiệm nên hoạt động kiểm tra, giám sát còn bị hạn chế về thời gian.

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2015:

- Công ty đã thực hiện trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ kết quả SXKD của năm 2014 là: 13.000.000.000 đồng.

- Công ty đã thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi từ kết quả SXKD của năm 2014 là: 7.911.198.514 đồng.

- Lựa chọn đơn vị Kiểm toán: Công ty đã chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015.

- Trong năm 2015, Công ty đã trích thưởng 500.000.000 đồng cho Ban điều hành Công ty, về việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của năm 2014.



- Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2015:

Chỉ tiêu	ĐVT	ĐH cổ đông thông qua	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ %
Sản xuất Clinker	Ngàn tấn	1.305,0	1.329,1	102%
Sản xuất XM	Ngàn tấn	1.675,0	1.718,9	103%
Tổng SP tiêu thụ	Ngàn tấn	1.760,0	1.736,9	99%
Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.760,2	1.770,3	101%
Ngân sách ĐTXD	Tỷ đồng	72,4	17,4	24%
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	65,4	73,2	112%
Mức cổ tức dự kiến (%)	%	0%	0%	

III. Đánh giá quá trình hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong hoạt động của HĐQT:

- HĐQT Công ty đã tiến hành đầy đủ các phiên họp định kỳ và đột xuất trong năm 2015 để kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch trong kỳ, đề ra chương trình hoạt động tiếp theo. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định Pháp luật và qui định Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

- Thành phần và số lượng thành viên dự họp, chuẩn bị tài liệu và gửi tài liệu, bàn thảo và biểu quyết thông qua quyết định tại cuộc họp nghị sự trực tiếp được thực hiện theo quy định.

- Một số quyết định HĐQT thông qua theo hình thức nghị quyết luân chuyển thực hiện đều đảm bảo theo quy trình Điều lệ quy định.

- HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp tốt với Ban điều hành chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- HĐQT thực hiện giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý Công ty thông qua chế độ báo cáo thường kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

2. Các quyết định của HĐQT, thông qua về tổ chức bộ máy:

Để phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Ngày 19/10/2015, HĐQT ban hành nghị quyết số 47/NQ.XMHHM-HĐQT về việc thôi giữ chức vụ Chủ tịch hội đồng quản trị đối với ông Tạ Quang Bửu (lý do nghỉ hưu), giao quyền điều hành HĐQT Công ty và người đại diện quản lý phân vốn nhà nước của Vicem cho ông Dương Đình Hội thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty;

- Ngày 20/10/2015, HĐQT đã ban hành Quyết định số 49/QĐ.XMHHM-HĐQT về việc ban hành cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai từ 21 đơn vị trực thuộc Công ty, thành 18 đơn vị trực thuộc

Công ty kể từ ngày 01/11/2015 theo mô hình tái cơ cấu của Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam;

- Ngày 29/10/2015, HĐQT đã ban hành quyết định số 50/QĐ.XMHM-HĐQT về việc sáp nhập phòng HCQT & Lễ tân với phòng Bảo vệ - Quân sự và đổi tên gọi thành phòng Hành chính và quản trị; Quyết định số 51/QĐ.XMHM-HĐQT về việc sáp nhập phòng Kỹ thuật sản xuất với phòng Cơ điện và đổi tên gọi thành phòng Kỹ thuật và Nghiên cứu triển khai; Quyết định số 52/QĐ.XMHM-HĐQT về việc thành lập xưởng Nguyên liệu; Quyết định số 53/QĐ.XMHM-HĐQT về việc thành lập xưởng Sửa chữa, tất cả các quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2015;

- Ngày 20/01/2016, HĐQT đã ban hành quyết định số 04/QĐ.XMHM-HĐQT về việc bổ nhiệm chức danh UV HĐQT Công ty đối với bà Trần Thị Minh Anh; Quyết định số 05/QĐ.XMHM-HĐQT về việc bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty đối với bà Trần Thị Minh Anh - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.

Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2015 đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty.

IV. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý Công ty

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh, đã bám sát các nội dung, chủ trương của HĐQT theo các văn bản chỉ đạo và các Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT ban hành.

Hàng tháng, quý Ban điều hành Công ty đã phân tích nguyên nhân làm tăng giảm lợi nhuận đối với kế hoạch tháng, quý trước, nhằm tìm biện pháp khắc phục nguyên nhân làm giảm lợi nhuận và phát huy yếu tố làm tăng lợi nhuận, từ đó xây dựng kế hoạch SXKD tháng và quý sau.

1. Tổ chức bộ máy và nhân sự

Theo yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, năm 2015 HĐQT và Ban điều hành Công ty đã ban hành một số quyết định bổ nhiệm và luân chuyển một số chức danh cấp trưởng và phụ trách đơn vị:

- Bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Thẩm định và Công nghệ thông tin; bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tài chính - Kế toán; bổ nhiệm Trưởng phòng Kế hoạch - Chiến lược; bổ nhiệm chức vụ Giám đốc giao nhiệm vụ phụ trách XN Bê tông và XD; bổ nhiệm Phó Giám đốc Xí nghiệp Xe máy và Khai thác mỏ; bổ nhiệm lại cán bộ đối với các Trưởng, phó phòng và tương đương tại các đơn vị đã hết thời gian giữ chức vụ;

- Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng đối với 03 cán bộ cấp Phó trưởng phòng và tương đương trở lên;

- Điều động 02 cán bộ cấp Trưởng phòng làm phó trưởng phòng; thôi giữ chức vụ đối với 03 cán bộ cấp phó và luân chuyển cán bộ cấp quản lý từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên do thay đổi mô hình tổ chức bộ máy.

2. Tổ chức vận hành thiết bị

- Công đoạn lò nung: trong năm, lò chạy đạt năng suất thiết kế (100,35%).

Mác nèn Clinker đã được nâng cao (tăng dần) rõ rệt so với các năm trước, cụ thể:



Tháng	Mác nền đạt N/mm ²	Tháng	Mác nền đạt N/mm ²
Tháng 1:	50,71	Tháng 7:	52,06
Tháng 2:	50,61	Tháng 8:	52,25
Tháng 3:	50,83	Tháng 9:	51,49
Tháng 4:	51,33	Tháng 10:	51,51
Tháng 5:	52,15	Tháng 11:	53,73
Tháng 6:	52,70	Tháng 12:	54,18

Tuy nhiên mác nền Clinker vẫn chưa đạt được với yêu cầu đề ra.

- Trong năm lò dừng do sự cố: tổng số là 44 lần, tổng thời gian dừng là: 871 giờ 09 phút, trong đó:

TT	LOẠI LỖI	SỐ LẦN	THỜI GIAN DỪNG Lò
1	Lỗi cơ	6	93 giờ 44 phút
2	Lỗi công nghệ	18	687 giờ 15 phút
3	Lỗi điện	20	90 giờ 10 phút
	Tổng	44	871 giờ 09 phút

- Tất cả số lần dừng lò đều do sự cố thiết bị khách quan, không có lần nào do chủ quan, do người vận hành, hoặc sửa chữa thiếu trách nhiệm, kém hiểu biết gây ra.

- Các công đoạn khác: đều chạy đạt và xấp xỉ năng suất thiết kế, cụ thể: nghiền liệu (102,59%), nghiền than (97,85%), nghiền xi măng (103,29%).

3. Công tác sửa chữa thiết bị:

Ngân sách sửa chữa 2015 Công ty được Tổng công ty phê duyệt là: 123,3 tỷ đồng. Công ty thực hiện sửa chữa thực tế là 141,13 tỷ đồng, tăng là 114,46%. Chi phí sửa chữa phân bổ từ năm trước chuyển sang năm 2015 là 13,73 tỷ đồng. Chi phí sửa chữa năm 2015 phân bổ chuyển sang năm sau là: 17.13 tỷ đồng. Như vậy: tổng chi phí sửa chữa được quyết toán trong năm 2015 là: **137,73** tỷ đồng.

4. Thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật

Các chỉ tiêu tiêu hao năm 2015:

- Tiêu hao nhiệt năng từ than cho sản xuất Clinker là: 868,86 kCal/kg Clinker

Nhận xét: Nhiệt năng từ than cho việc đốt lò thấp hơn định mức TCTy giao năm 2015: 870 kCal/kg clinker và thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (năm 2014: 889 kCal/kg clinker;)

- Tiêu hao nhiệt năng từ dầu cho SX Clinker: 6,24 kCal/kg Clinker

Nhận xét: Đạt chỉ tiêu so với Ngân sách 2015: 6,44 kCal/ kg Clinker, thấp hơn so với định mức của Tổng công ty (15 kCal/kg Clinker)

5. Chất lượng sản phẩm

- Chất lượng toàn bộ hàng nhập vào Công ty đảm bảo so với tiêu chuẩn cũng như các hợp đồng kinh tế, không có trường hợp gây ảnh hưởng xấu tới sản xuất, kinh doanh.

- Lượng Clinker tồn kho đến cuối tháng 12 là 103.700 tấn, lượng tồn này một mặt Công ty đẩy mạnh tiêu thụ để giảm lượng tồn, đồng thời Công ty cũng đảm bảo cho dự phòng Clinker cho dịp sửa chữa lớn dây chuyền lò nung sắp tới.

6. Công tác mua sắm vật tư phụ tùng năm 2015

Ngân sách 2015 là: 113,41 tỷ đồng, thực hiện mua sắm là: 110,79 tỷ đồng. Tổng giá trị tồn kho vật tư phụ tùng cuối năm 2015 là: 200,9 tỷ đồng, trong đó:

- Giá trị thiết bị điện tồn: 52,5 tỷ đồng.
- Giá trị sắt thép tồn: 4,5 tỷ đồng.
- Giá trị thiết bị xe máy mô tồn: 27,7 tỷ đồng.
- Giá trị thiết bị cơ tồn: 116,2 tỷ đồng.

7. Công tác tiêu thụ

Tổng sản lượng tiêu thụ năm 2015 đạt 1.736.962 tấn, bằng 99% so với năm 2014, trong đó tiêu thụ xi măng đạt 1.716.063 tấn, tăng 2,6% so với năm 2014; tiêu thụ clinker đạt 20.899 tấn, bằng 25,7% so với năm 2014.

Sản lượng tiêu thụ xi măng tại địa bàn Nghệ An tăng 4,6%, tại địa bàn Hà Tĩnh tăng 6,5%, tại địa bàn Thanh Hóa đạt 89% so cùng kỳ, như vậy thị phần tiêu thụ sản phẩm có địa bàn tăng lên cũng có địa bàn bị giảm đi.

8. Về thi hành kỷ luật lao động

Trong năm 2015 Công ty không có CBCNV nào vi phạm kỷ luật lao động

V. Tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và cẩn trọng trong công tác kế toán thống kê và lập báo cáo tài chính

1. Công tác kế toán

Báo cáo quyết toán tài chính của Công ty, được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán và đưa ra ý kiến nhận xét như sau: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Công tác kiểm kê tài sản

Năm 2015, Công ty đã thực hiện nghiêm 2 kỳ kiểm kê tài sản, kiểm kê 6 tháng đầu năm và kiểm kê 6 tháng cuối năm, đồng thời đã thực hiện xử lý kiểm kê vật tư, sản phẩm, tiền vốn, tài sản hiện có theo qui định.

VI. Một số kiến nghị

1. Đề nghị Công ty thường xuyên, rà soát, các quy định, quy chế đã ban hành, để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

2. Đề nghị Công ty nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục giảm tiêu hao than, tiêu hao điện các công đoạn sản xuất;

3. Đề nghị Công ty có biện pháp duy trì lò nung chạy ổn định, nâng cao mức nền clinker ổn định và đạt trên 55N/mm², duy trì ổn định chất lượng, màu sắc xi măng;

4. Đề nghị Công ty có giải pháp để tiếp tục nâng tỷ lệ đá vôi, tro bay, xỉ lò trong xi măng, để nâng cao hiệu quả sản xuất;

5. Đề nghị Công ty bám sát các nhà phân phối xi măng, có chính sách phù hợp, khuyến khích bán hàng linh hoạt cho từng vùng, để giữ thị trường, phát triển thị trường và tìm thêm thị trường./.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Các thành viên BKS;
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Trung Tại

